



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 04 tháng 02 năm 2026)

Sĩ số: 742 trẻ (Trung tâm: 414; Hải Đông: 328 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					12.720.000		7.166.000		5.554.000
1	Bí đỏ	30.000	Kg	9,1	273.000	5,2	156.000	3,9	117.000
2	Cà chua	45.000	Kg	21	945.000	12	540.000	9	405.000
3	Đậu phụ	40.000	Kg	21	840.000	12,5	500.000	8,5	340.000
4	Hành khô	60.000	Kg	0,8	48.000	0,4	24.000	0,4	24.000
5	Hành lá	45.000	Kg	1,5	67.500	1	45.000	0,5	22.500
6	Me tươi	70.000	Kg	0,9	63.000	0,5	35.000	0,4	28.000
7	Mỡ lợn sống	50.000	Kg	1,5	75.000	1	50.000	0,5	25.000
8	Quả dứa	40.000	Kg	3,2	128.000	2,2	88.000	1	40.000
9	Rau mùi	85.000	Kg	1,3	110.500	0,8	68.000	0,5	42.500
10	sá sùng khô	3.000.000	Kg	0,9	2.700.000	0,5	1.500.000	0,4	1.200.000
11	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	31	4.030.000	17	2.210.000	14	1.820.000
12	Cá vược	230.000	Kg	12	2.760.000	7	1.610.000	5	1.150.000
13	Xương lợn	85.000	Kg	8	680.000	4	340.000	4	340.000
Nhóm xuất kho					4.735.000		2.571.000		2.164.000
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	66,5	1.330.000	37	740.000	29,5	590.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1,0	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1,0	15.000	0,4	6.000	0,6	9.000
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	5,5	330.000	3	180.000	2,5	150.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	13	2.990.000	7	1.610.000	6	1.380.000
Tổng chi					17.455.000		9.737.000		7.718.000
Tổng thu					17.451.840		9.737.280		7.714.560
Tồn ngày hôm trước					4.960		2.040		2.920
Thừa (Thiếu)					1.800		2.320		-520

742 23.520

414

328

86 2022720